BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 214/2011/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2011*

THÔNG TƯ
Ban hành định mức chí phí đào tạo một số nghề theo 03 cấp trình độ cho bộ đội xuất ngũ học nghề

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 30 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 104/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 121/2009/QĐ-TTg ngày 09/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hoạt động của các cơ sở dạy nghề thuộc Bộ Quốc phòng và chính sách hỗ trợ bộ đội xuất ngũ học nghề;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2010/TTLT-BQP-BTC ngày 14 tháng 01 năm 2010 của Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ bộ đội xuất ngũ học nghề;

Xét đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng,

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành định mức chi phí đào tạo một số nghề theo 03 cấp trình độ cho bộ đội xuất ngũ học nghề như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này định mức chi phí đào tạo một số nghề trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề làm căn cứ thực hiện chính sách hỗ trợ bộ đội xuất ngũ học nghề theo Quyết định số 121/2009/QĐ-TTg ngày 09/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Các định mức ban hành tại Thông tư này là mức chi phí đào tạo cao nhất cho một nghề mà bộ đội xuất ngũ đang học tại các cơ sở dạy nghề trong và ngoài quân đội. Riêng định mức chi phí đào tạo nghề trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề chỉ áp dụng cho các cơ sở dạy nghề thuộc Bộ Quốc phòng khi được Bộ Quốc phòng giao chỉ tiêu đào tạo (đặt hàng).

Điều 3. Bộ đội xuất ngũ học nghề tại các cơ sở dạy nghề quân đội, ngoài chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo nghề tính theo định mức ban hành tại Thông tư này của Bộ Quốc phòng còn được hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, tiền bảo đảm sinh hoạt, tiền chi khác theo quy định hiện hành.

Điều 4. Định mức chi phí đào tạo nghề ban hành tại Thông tư này là chi phí của các nội dung sau:

Tuyển sinh, tư vấn, giới thiệu việc làm; khai giảng, bế giảng; văn phòng phẩm, biểu mẫu dạy nghề; tiền lương giáo viên, cán bộ quản lý; cấp chứng chỉ, bằng tốt nghiệp, bảo hộ lao động; bảo hiểm y tế, khám sức khỏe; khấu hao máy móc, thiết bị, nhà xưởng; tiền điện, tiền nước trong thời gian thực hành, thực tập; chi vật tư, nguyên, nhiên vật liệu dạy học; in, biên soạn giáo trình; thuê phương tiện tham quan, thực hành; chi tiền thuê lớp học; thuê nhà ở cho học viên (nếu có).

Điều 5. Giao Cục Nhà trường/BTTM phối hợp với Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện mức chi phí đào tạo nghề mới nếu Chính phủ tăng lương tối thiểu lên bao nhiêu % thì định mức này được điều chỉnh tăng % tương ứng cho phù hợp với thực tế.

Điều 6. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 245/2010/TT-BQP ngày 20/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc ban hành định mức chi phí đào tạo một số nghề theo 03 cấp trình độ cho bộ đội xuất ngũ học nghề theo Quyết định số 121.

Điều 7. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm các tổng cục, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các cơ sở dạy nghề thuộc Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Lê Hữu Đức

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ ĐÀO TẠO MỘT SỐ NGHỀ TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP, SƠ CẤP NGHỀ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 214/2011/TT-BQP ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TT	Tên nghề đào tạo	Thời gian đào tạo	Trình độ	Kinh phí đào tạo
I	**CAO ĐẲNG NGHỀ**	36 tháng	Cao đẳng	23.100.000
		48 tháng	Cao đẳng	30.800.000
II	**TRUNG CẤP NGHỀ**	24 tháng	Trung cấp	15.400.000
		36 tháng	Trung cấp	23.000.000
III	**SƠ CẤP NGHỀ**			
1	Lái xe ôtô hạng B	03 tháng	Sơ cấp	8.025.000
2	Lái xe ôtô hạng C	06 tháng	Sơ cấp	9.822.000
3	Sửa chữa xe máy	09 tháng	Sơ cấp	7.971.000
4	Sửa chữa xe máy	06 tháng	Sơ cấp	6.188.000
5	Sửa chữa xe máy	03 tháng	Sơ cấp	4.312.000
6	Cắt gọt kim loại	09 tháng	Sơ cấp	8.337.000
7	Cắt gọt kim loại	03 tháng	Sơ cấp	5.337.000
8	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	09 tháng	Sơ cấp	9.331.000
9	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	06 tháng	Sơ cấp	6.142.500
10	Điện công nghiệp	09 tháng	Sơ cấp	7.660.000
11	Điện công nghiệp	06 tháng	Sơ cấp	6.177.000
12	Điện công nghiệp	03 tháng	Sơ cấp	4.027.000
13	Điện tử công nghiệp	09 tháng	Sơ cấp	8.506.000
14	Điện tử công nghiệp	06 tháng	Sơ cấp	6.334.000
15	Điện dân dụng	10 tháng	Sơ cấp	8.064.000
16	Điện dân dụng	06 tháng	Sơ cấp	6.177.000
17	Điện dân dụng	03 tháng	Sơ cấp	4.027.000

TT	Tên nghề đào tạo	Thời gian đào tạo	Trình độ	Kinh phí đào tạo
18	Thợ máy tàu biển	4.5 tháng	Sơ cấp	8.560.000
19	Thủy thủ tàu biển	4.5 tháng	Sơ cấp	7.650.000
20	Vận hành máy công trình	09 tháng	Sơ cấp	9.125.000
21	Vận hành máy công trình	06 tháng	Sơ cấp	6.314.000
22	Vận hành máy công trình	03 tháng	Sơ cấp	3.890.000
23	Vận hành máy thi công nền	09 tháng	Sơ cấp	9.334.000
24	Vận hành máy thi công nền	06 tháng	Sơ cấp	6.334.000
25	Vận hành cầu trục	09 tháng	Sơ cấp	9.749.000
26	Lái xe nâng chuyển	03 tháng	Sơ cấp	8.827.000
27	Công nghệ ôtô	09 tháng	Sơ cấp	7.992.000
28	Công nghệ ôtô	06 tháng	Sơ cấp	6.188.000
29	Sửa chữa hệ thống khung gầm ôtô	04 tháng	Sơ cấp	9.462.000
30	Sửa chữa điện - điện lạnh ôtô	04 tháng	Sơ cấp	9.775.000
31	Sửa chữa điện điều khiển ôtô	04 tháng	Sơ cấp	9.012.000
32	Sửa chữa cơ khí động cơ	04 tháng	Sơ cấp	9.939.000
33	Vận hành cầu trục	10 tháng	Sơ cấp	7.738.000
34	Hàn	09 tháng	Sơ cấp	7.680.000
35	Hàn	06 tháng	Sơ cấp	6.760.000
36	Hàn công nghệ cao (CNC)	03 tháng	Sơ cấp	8.533.000
37	May thời trang	06 tháng	Sơ cấp	6.459.000
38	Bảo trì máy may	03 tháng	Sơ cấp	3.998.000
39	Sửa chữa điện thoại di động	05 tháng	Sơ cấp	7.716.000
40	Sửa chữa động cơ điện và thiết bị gia dụng	03 tháng	Sơ cấp	7.162.000
41	Công nghệ thông tin	09 tháng	Sơ cấp	8.014.000
42	Công nghệ thông tin	06 tháng	Sơ cấp	6.172.000
43	Công nghệ thông tin	03 tháng	Sơ cấp	3.453.500

TT	Tên nghề đào tạo	Thời gian đào tạo	Trình độ	Kinh phí đào tạo
44	Lập trình máy tính	12 tháng	Sơ cấp	6.459.000
45	Sửa chữa lắp ráp máy tính	04 tháng	Sơ cấp	4.395.000
46	Quản trị mạng máy tính	04 tháng	Sơ cấp	4.242.000
47	Y tá điều dưỡng	12 tháng	Sơ cấp	8.910.000
48	Kỹ thuật dược	12 tháng	Sơ cấp	8.920.000
49	Kỹ thuật xây dựng	06 tháng	Sơ cấp	9.960.000
50	Vận hành máy xây dựng	06 tháng	Sơ cấp	9.960.000
51	Sửa chữa máy nông nghiệp	03 tháng	Sơ cấp	6.255.000
52	Điện nước	06 tháng	Sơ cấp	5.400.00